

BẢN LUẬN QUYỂN 69

Dưới đây theo thứ lớp, mười một cách giải thích rất sâu sắc, trong đó, trước nói về chân, sau nói ngụy.

Trong chân, chia ra năm môn. 2/ Dựa vào môn để nói:

1. Đầu tiên, là nói về chế lập Học, trong đó lại có năm trường hợp, trường hợp nêu tên giải thích:

1) Học hạnh tự tại, không bị “hoặc” gây trở ngại.

2) Không tự tại, bị “hoặc” làm ngăn ngại.

3) Thể hiện Thi la, nếu hoài bảo tánh tội, thì cấm không nên thực hành.

4) Biểu hiện lạc hạnh, ngăn ngừa nghiệp tội chướng, chế lập học xứ.

5) Quan sát tự tại về lỗi lầm, vì không hiện hành, nên không có chế lập, người không tự tại vì có lỗi hiện hành, nên chế lập Học xứ.

2. Nói về trái phạm, chế lập. Văn chia làm ba phần:

a. Y cứ vào chướng, để nói về phạm.

b. Y cứ vào ý lạc để nói phạm, không phạm.

c. Nói do mười xứ, tư duy, mong cầu mà phạm.

Trong phần đầu, 1- Nêu chung phạm, chế lập là rất sâu sắc; 2- Giải thích riêng, trong đó, trước nói về chướng, sau, trái lại, làm sáng tỏ không có chướng.

Trong phần trước, đầu tiên, giải thích năm chướng; sau, nói về năm chướng tương sinh như theo thứ lớp :

Nói: ‘Chướng Sở tri: Tức là chướng định.’ Do trái phạm, nên ăn năn, cho đến tâm không được định”, là một phần trong chướng sở tri.

Kế là, nêu ý lạc hủy hoại Cụ túc, chỉ rõ tướng phạm, không phạm (như văn).

Dưới đây, nói về mười xứ tư duy tìm kiếm đối tượng trái phạm:

1) Vì Pháp Biệt giải thoát, nên đối với một quyển Giới Bản, tư duy, tìm kiếm chỗ phạm.

2) Trong năm nhóm phạm của Quảng luật, tư duy, tìm kiếm hành tướng phạm.

3) Do sáu thứ sai khác trở thành tướng trọng “Đẳng”: như quyển trước đã giải thích.

4) Do không có hổ thẹn: trừ Ba-La-Xà-Dĩ-Ca, là có tướng dư thừa, Ba-la-xà-dĩ-ca, Hán dịch là “Tha Thắng” (khác vượt hơn người).

Tăng-già-Bà-thi-sa, Hán dịch là “chúng dư”. Dù phạm giới này,

nhưng vẫn còn có phần thừa của chúng tăng, không đồng với phạm tội trọng, hoàn toàn không có phần chúng.

Ba-Dật-Đề-Ca, Hán dịch là “đọa”.

Thi-Xoa-Ca-La-Ni, Hán dịch là “Ứng học”.

Nay, trong văn này, trừ bốn trọng đầu, mười ba về sau, đều gọi chung là tướng có tàn. Dù phạm giới này, nhưng vẫn có tướng tàn dư của chúng tăng.

5) Do nghiệp đầu tiên, nghĩa là ban đầu phạm bốn tội trọng, chẳng phải sơ nghiệp, nghĩa là phạm các giới sau.

6) Do bức não, xuất ly.(nghĩa là như do cơn bệnh gây ép ngặt, keo kiệt không thọ thực mà ăn và đứng đại, tiểu tiện v.v..., cũng gọi là không phạm, tức gọi là xuất ly.

7) Do chướng nạn, xuất ly: (là có gặp mạng nạn. được leo lên vượt cây, cao qua đầu người, khai cho, không phạm, tức gọi là xuất ly v.v... (Hai thứ xuất ly này, se nói đến trong văn sau).

8) Do bạch với Phật.

9) Bạch Phật xong, họp chúng, đức Phật chế giới, tất nhiên ở trong chúng.

10) Do chúng tăng nhóm họp xong, trước chế, sau khai, để cho được rớt ráo, vì không có não hại.

Thứ ba, trong phần nói về xuất ly, nói người xuất ly không có nhiệm, như người có tâm thiện, nhổ cỏ cây ở trước chỗ Phật, trong Đại thừa cho phép. Nếu tự thêm việc thiện, bớt điều ác, điều này tức không có phạm, tức gọi là xuất ly.

Nói Tiểu tùy: Như quyển trước đã chép, giải thích. Không chấp xuất ly.(Pháp sư Cảnh nói: “Nạn chó sói v.v... ở trong chỗ hoang vắng, nên việc cầm dao, gậy để tự phòng vệ, được cho phép.

Pháp sư Thái nói: “Ở chỗ nguy hiểm, vì sự thọ dụng đúng như pháp không thể được, nên đối với giáo pháp sinh niềm tin, với tội, sinh sợ hãi, hơn nữa, vì không có chấp nào khác, nên làm việc này mà không trái phạm, gọi là không chấp xuất ly.

Luận sư Tăng Huyền nói: Nếu không có người đối với người thọ, tự mình thọ dụng thì không có trái phạm.

Thứ tư, trong phần nói về sự thôi dứt, nói “Vì ngăn ngừa tai nạn cho sự sống còn, như trong luật nói sự nguy hiểm, chia ra tám chia ra tám việc đó là: ngủ trong giới, nếu thức ăn trong giới, tự nấu thức ăn, tự tay nhận thức ăn, nhận thức ăn lúc dậy sớm, mang thức ăn còn dư từ chỗ thọ thực, ăn bột gạo trái hồ đào, v.v... ăn vật có thể ăn trong nước, các

trường hợp như thế. Năm là nói mười yết-ma trong các yết-ma: một là yết-ma khi thọ giới cụ túc, hai là kiết đại giới, tiểu giới, ba là nuôi lớn, pháp sư Cảnh là kiết đại giới, tiểu giới, ba là nuôi lớn, pháp sư Cảnh nói như Đại thần, tiểu tử, hoặc là Vương tử, tâm nguyện xuất gia, đối với Phật pháp thường được lợi ích, nhưng không thể bỏ việc ăn phi thời, v.v... Đại chúng dùng cháo để nuôi lớn tâm ấy, yết-ma cho phép, hòa hợp các thứ thuốc, nấu cháo trao cho, lớn để căn hiện.

Pháp sư Thái nói: Bồ tát yết-ma, Hán dịch là Trưởng dưỡng, là nuôi lớn công đức. Bốn là đồng ý: Pháp sư Cảnh nói: Như có người chứng Sơ quả, đối với y phục, thức ăn không có yêu tiếc, các Tỳ-kheo, v.v... đua nhau đến xin, khiến cho người ấy đến nỗi nghèo khổ. Bảy giờ, đại chúng đồng ý cùng dứt mà làm yết-ma. Pháp sư Thái nói: Việc đã làm là yết-ma hòa tăng khiến cho đồng ý. Năm là thú hưởng. Pháp sư nói: Như Ni muốn đến trong chúng tăng xin thọ đại giới thì ni chúng phải tác pháp yết-ma trước, rồi mới đến chỗ Đại tăng, gọi là Thú hưởng yết-ma. Pháp sư Thái nói: Thú hưởng chỗ an cư làm yết-ma. Sáu tứ nêu: cuối hạ tự tứ nêu tội. Bảy là trị phạt người có tội, như bảy yết-ma, v.v... Tám là người nhiếp thọ: Đại chúng trước điều phục người ác khiến họ xuất gia. Đã trải qua thời gian lâu, họ đã thuần phục, hối hận những việc trước kia đã làm. Chúng tăng lại làm yết-ma cho phép nương chúng gọi là Nhiếp thọ.

Tám việc tùy sự trên, hai việc dưới là nói về pháp. Nói năm thứ bổ-đặc-già-la: Một là dụ chim anh vũ, y theo nghĩa mà phán văn. Hai là dụ chim anh vũ, y theo văn mà phán nghĩa. Ba là dụ cây đuốc nghĩa là nghe ít mà hiểu nhiều, như một cây đuốc xoay vần mỗi cho các cây đuốc khác. Bốn là ánh chớp dụ cho người: Đối với người thứ yết-ma trước có khi hiểu dần, có khi không thấy, như ánh chớp kia. Năm là bức vẽ dụ cho người: xét văn mà hành sự, không thêm không bớt.

Trên đây là nói về chân, dưới đây là nói về ngụy. Nói không nhập kế kinh: là không thuận theo tu-đa-la; không hiện ở trong luật: là không thuận theo tỳ-ni; Trái với pháp tánh; là trái với A-tỳ-đạt-ma. Thứ mười hai là giải thích, trong đó nói trừ mười việc, cho đến nên biết ở đây nói chẳng phải là thuyết thanh tịnh: nếu biết ở dưới nói mười việc hoại giới kiến, v.v... thì được nói cho người khác nghe. Nhưng thuyết thanh tịnh này ngoài mười việc, nếu có Tỳ-kheo đối với người khác nói Tỳ-kheo khác phá hoại giới kiến, v.v... chẳng phải thuyết thanh tịnh, nói mười việc lẽ ra là nên nói cho người khác nghe.

1) Muốn hại Đức Phật.

2) Đối với pháp.

3) Đối với Tăng.

“Vì tổn hại Tam Bảo, cho đến “nói cho Vua nghe, nhưng là nói thanh tịnh.”

4) Kiến, do người kia phá hoại giới, kiến v.v..., nên lại làm cho các Tỳ Kheo khác phá giới, kiến v.v... Chúng xấu ác đó phá hoại dần, ngày càng tăng trưởng, hoặc nghe, hoặc nghĩ, nói cho người khác, nghe, khiến các điều xấu ác chấm dứt.

5) Thấy người kia tự chỉ bày rõ pháp bất chính như phá hoại giới, kiến, mạng gương mẫu v.v.... Hoặc nghe, hoặc nghĩ.

6) Muốn cho người kia nói ra phá hoại giới, kiến v.v..., muốn đặt yên ở chỗ thiện, nên nói chongười khác nghe.

7) Các Tỳ kheo v.v... đều làm hư hoại giới kiến v.v.... Vì ủng hộ người tục khác, lại còn che giấu nhau, bảo hộ mọi điều xấu ác ngày càng gia tăng, cũng cần nói cho người khác, nghe để dứt ác.

8) “Hoặc có thí chủ, cho đến chủ xây dựng chùa v.v... bạch tăng rằng: “Các Tỳ kheo cư trú ở đây v.v..., nếu thấy vị nào làm hư hoại giới, kiến v.v..., phải báo cho chúng tôi biết.” Nếu các chúng tăng đồng nghe lời nói này của họ, cũng phải nói với thí chủ v.v..., cũng là nói thanh tịnh.

9) Nếu có ai thấy người khác do nhân duyên chúng tăng này mà làm hư hoại giới, kiến, thì các Vua v.v..., sinh ngờ vực trong tâm, hờn dỗi muốn làm việc không có nghĩa lợi, hoặc nghe, hoặc nghĩ, cũng phải nói cho người khác nghe, là nói thanh tịnh.

10) Chúng Tăng đối với kẻ phá hoại giới, kiến v.v... với hành vi xấu ác, làm như nhà người, mà không có sức để trị phạt, chỉ một nhân duyên là nói cho người khác biết là nói thanh tịnh.

Nói hành vi xấu ác, làm như ở nhà người: như luật nói làm như nhà người, là nói trong giới, thì phải can ngăn, khiển trách và đuổi.

Nói “Nếu ai nhân ganh ghét v.v..., trừ nhân duyên của mười việc ganh ghét vừa kể trên, muốn hủy hoại nên nói, thì gọi là nói bất tịnh.

Thứ mười ba, trong giải thích về việc dụ, nói là sự bản sinh, nghĩa là nói về sự hạnh của Bồ-tát đời trước làm thí dụ. Việc Bản sự, nghĩa là nói về việc tương ứng bên ngoài của thân đời trước của Bồ-tát để làm thí dụ điển hình.

Sự ảnh tượng. Nghĩa là nói Phật tánh dụ cho sữa, tô, lạc, cho đến đề hồ v.v....

Ảnh tượng giống nhau, là nêu người vượt hơn kia.

Lại, lấy bảy hạng chúng sinh trong sông sinh tử của thế gian:

Trong kinh Niết-bàn nói: “Bảy hạng chúng sinh trong sông sinh tử ở trước”. Về sau, nói trong sông Niết-bàn, cũng có bảy hạng người trong chánh pháp:

1. Thường ẩn mất.
2. Tạm xuất hiện, lại ẩn mất.
3. Xuất thế xong liền trụ.
4. Xuất thế xong, quán khắp bốn phương.
5. Quán khắp xong, thực hành công hạnh..
6. Thực hành công hạnh xong, lại trụ.
7. Dưới sông, trên đất liền đều thực hành (nói rộng như kinh Niết-bàn).

Sự giả hợp: Nghĩa là thí dụ đại dương, hoặc dụ cho lương y. Luận sư Cảnh nói: “Như Đức Thế tôn nói: “Vua thứ sáu là hơn hết. Như nói La-hán dứt trừ bệnh phiền não. như lương y kia có khả năng dứt trừ các chất độc.” Pháp sư Thái nói: “Hoặc do đại vương hoặc do lương y v.v... rất nhiều việc giả hợp dụ. Cho Phật v.v... ý nói: “lại có khi hiện thấy thí dụ của thế gian cho đến “phần ít tương ứng v.v...”, nghĩa là như nói hạt giống phiền não và hạt giống vô lậu đồng dựa vào Lại-da ư? Giống như phân nhơ và vàng thật dùng ở một chỗ.

Sự thí dụ.(Nghĩa là rộng lớn, rất nhiều thí dụ v.v..., như nói: “Vô lượng nhân duyên của một thí dụ, gọi là thí dụ dái, như thí dụ nhà lửa v.v...”

Trên đây, trong quyết định lựa chọn địa này có ba đoạn, hai đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây, là đoạn ba, rộng, dùng sáu mươi bốn môn Quyết trạch lẫn lộn, trước nói về pháp sở tri, trong đó, đầu tiên, là nói do năm tướng lập sự khác nhau của sở tri. Sau nói về sự khác nhau của các trí.

Trong phần trước, là nêu, năm tướng, giải thích theo thứ lớp.

Nói: “Nếu thế tục rất dễ hiểu giả lập sở tri cho đến “Một phần nên tu tập”. Hỏi: “Làm thế nào biết rõ pháp duyên sinh v.v... thiện, ác, có tội, không tội, gọi là biết giả lập ư?”

Giải thích: “Với các pháp này, nếu đối với bình chẫu v.v... nên gọi là pháp thật. Nay, đối với đế lý khổ v.v..., gọi là thắng nghĩa, nên nói duyên sinh tội phước v.v... gọi là giả lập một phần bất thiện v.v... nên lia và một phần thiện nên tu.”

Nói: “Lại rất dễ hiểu rõ cho đến “mà khởi các hạnh, nghĩa là biết ngôn thuyết của thế tục đối với pháp thế gian khởi, gọi là đạo thế gian. Tùy theo danh ngôn của thế gian này, mà khởi các hạnh.

Nói “Biết cõi ý lạc của người và tùy miên”, nghĩa là môn lý tùy chuyển, được gieo trồng ở sáu thức. Ý lạc là “dục”, tùy miên là hạt giống. Do biết sáu thức, tâm người nên trên tâm, tất cả tùy miên theo đuổi, cũng gọi là “biết”. Cũng có thể trí tha tâm của Sơ địa trở lên đã nhận biết tâm Lại-da và hạt giống.

Nói chỗ nương tựa của trí biết có hai: 1- Hạnh lợi mình; 2- Hạnh lợi người, tức trí của năm thứ tác nghiệp ở trước. Ba thứ trước đối với cảnh, không có nghi ngại; gọi là dựa vào chỗ nương tựa của công hạnh lợi mình; hai trí sau biết rõ căn nghiệp sở độ sanh ra, gọi là dựa vào chỗ nương tựa của hạnh lợi người.”

Nói “Trí thế tục có cả ba tánh, có cả hữu lậu, vô lậu chỉ là thế gian”, trí này tương đương với đẳng trí của Tỳ-Đàm. Đẳng trí có cả ba tánh, chỉ là hữu lậu. Nay có cả vô lậu, nghĩa là y cứ ở vô học, lìa thân lậu, khởi nên gọi là vô lậu.”

Nói trí này và trí khác đều gọi là tục trí, nghĩa là trong thân Vô học này và trí tuệ, ba tánh hữu lậu trong thân của người học phàm phu, đều gọi là Tục trí. Phải biết “loại pháp khác, lấy trí bốn đế, trí tận vô sinh, chỉ sinh ở trong lậu tận” cho đến “chỉ có xuất thế gian”, nghĩa là như lý trí, nên chỉ có vô lậu.

“Nếu phân biệt như thế cho đến “thuộc về tục trí” tức là Hậu trí do phân biệt, gọi là thế gian, là chưa từng được, vì sinh trong thân La-hán, nên cũng gọi là xuất thế.

Trí tha tâm chỉ là thế gian v.v.... Hỏi: “Trí tha tâm của người Học đã là hữu lậu, thì làm sao rất dễ hiểu được tâm vô lậu ư?”

Giải thích: “Đồng là loại người Học, vì trí tha tâm hữu lậu biết được tâm vô lậu của người khác, cũng đâu có lỗi, chẳng hạn như trí tha tâm ở cõi Sắc rất dễ hiểu được tâm cõi Sắc, không đồng với luận Tiểu thừa ở chỗ trí tha tâm hữu lậu chỉ biết tâm hữu lậu của người, không biết được vô lậu, không biết tâm v.v... của cõi Vô Sắc.

Nói “Trí tận vô sinh, như trước nên biết”, nghĩa là nếu không phân biệt là xuất thế, nếu phân biệt là thế gian, đều cùng là vô lậu v.v..., tức là Lậu tận thông, có cả thế gian, xuất thế gian chỉ có vô lậu.”

Nói “Pháp môn không giải thoát thuộc về tám trí, nghĩa là trừ thế tục và trí tha tâm. Trí của môn “không” này khi muốn nhập quán Chân như, trước là quán các pháp “không” và nghĩa vô ngã, tương đương với tám trí quán chân như. Không vô ngã của bốn đế, tức nghĩa thích hợp với bốn trí quán như khổ v.v.... Nghĩa “không” của cõi Dục ở dưới, tương đương với pháp trí quán. Nghĩa “không” của hai cõi trên tương

đương với trí này, ở thân vô học, tức là hai trí tận vô sinh, là biết tám trí tương đương với số định là môn không giải thoát”. Dưới đây trong phần nói về trí khác nhau, vẫn được chia làm bảy. Đầu tiên nêu môn giải thoát và Vô ngại giải v.v... của pháp không chung, chỉ ra như trước đã nói. 2/ Nói về các thông, trí, trong đó được chia làm ba: Trước là nói về danh nghĩa của sáu thông, trí. Kế là, nói về người có thần thông. Sau, là nói chung về đối biện nói.

Trong phần đầu, “thế nào là thần cảnh?” là hỏi về đối tượng chuyển biến. “thế nào là thần cảnh trí?”, nghĩa là hỏi về chủ thể chuyển biến, thế nào là Thần cảnh trí tác chứng?” là hỏi về nhân duyên của tu chứng, được thần cảnh trí. Nghĩa là từ một thứ biến thành nhiều thứ nói về chuyển biến, cho đến thân của Phạm thế tự tại chuyển biến, nghĩa là nói đối tượng vận chuyển. Do thần cảnh trí đến, cho nên nói. Đây gọi là Thần cảnh, nghĩa giải thích tên Thần cảnh.

Ở đây là đáp câu hỏi đầu tiên nói: “Nếu trí cho đến” nên gọi là Thần cảnh Trí” là đáp câu hỏi thứ hai.

Vì phân biệt chỗ sinh được trí v.v..., nên gọi là “tu quả”.

Nói “Tức hạt giống trí này, cho đến gọi là Thần cảnh trí tác chứng”: đáp câu hỏi tác chứng thứ ba về hạt giống thần thông, đều có hạt giống. Vì có chướng tách, chướng sự, nên không thể khởi tác dụng thần thông. Thời nay, người tu hành, do thế lực tu tập lia hai chướng, khiến hạt giống cũ tăng trưởng nối tiếp nhau. Bấy giờ, vì đủ duyên được khởi thần thông, nên nói “Tức hạt giống này, do sinh, duyên đã nhiếp thọ v.v....”

“Như thế tất cả gồm chung thành một, gọi là thần thông trí tác chứng thông”, nghĩa là thần thông, thần cảnh trí và tác chứng, gọi là chung là Thần Cảnh Trí chứng thông”.

Nói “Rằng, các tha tâm do có tham v.v...”, nghĩa là nói về cảnh của tha tâm thông, nói là có tâm mười đối có tham, không có tham v.v.... Nếu người có oai đức lớn, thì sẽ làm sáng tỏ thể của Tha tâm thông.

Nói “Trí tác chứng này, như trước, nên biết”, nghĩa là hạt giống này do sinh duyên nhiếp thọ, nên nối tiếp nhau tăng trưởng v.v....

Nói “Nếu tu sắc thanh tịnh thuộc về quả nhãn để làm y chỉ v.v...”, nghĩa là Thiên nhãn thông, tức dùng Nhãn thức tương ứng với tuệ làm Thể. Tuy nhiên vẫn khác lại nói “duyên” vị lai v.v..., nghĩa là y cứ vào ý thức khác tương ứng với quyền thuộc, để luận nói chung.

Nói “Tận vô sinh trí, gọi là trí lậu tận. Nếu theo Tát Bà Da thì có hai nghĩa:

1. Từ Cảnh sở duyên, gọi là sáu trí tánh.

2. Ở thân nêu ra Thế là mười trí tánh có cả hữu lậu, vô lậu. Nay, theo Đại thừa chỉ thế gian tận, lấy tận trí vô sinh của thế gian làm thế.

Kế là nói về người có thần thông. Luận sư Cảnh nói: “Nếu gặp thời ký ấy, thì có thể thị hiện, nghĩa là Thần cảnh thông này. Hoặc lại an trụ, nghĩa là thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông, biết hạnh khác nhau của tâm người khác, chỉ hiểu rõ sở tri, tự an trụ, chưa thể làm được việc dẫn dắt người khác rộng khắp.

Nói “Hoặc thực hành công hạnh lợi tha, hoặc ở trong đây có thể khéo hỏi, ghi nhận, tức ba thông sau: Túc mạng thông, biết quá khứ của người khác đã từng trải qua sự sống. Thiên nhãn nhìn thấy các chúng sinh sống nơi này, chết nơi kia; Lậu tận thông chứng vô vi kia. Ba thông như thế biết những việc đã từng, sẽ của người, nói pháp hợp với căn cơ, nên nói “có thể khéo hỏi, ghi nhận”.

Pháp sư Thái nói: “hoặc lại an trụ, nghĩa là tự được dạo chơi, hoặc làm lợi cho người, vì mục đích lợi tha nên xuất hiện.

Dưới đây, nói chung về đối biện, lược qua không nói về thị hiện:

Nói “Ba thông sau khiến dứt hẳn, thường v.v...”: Túc mạng, biết nhân duyên quá khứ của người khác, nói, bày cho người đó biết, giúp họ lìa chấp thường. Thiên nhãn nhận biết vị lai của người khác sẽ thọ sinh, tử bảo cho họ biết, khiến lìa chấp đoạn. Lậu tận thông, là nói rộng về Trung đạo.

3. Nói về vô tránh nguyện trí, văn chia làm ba: Trước, nói Vô tránh. Kế là, nói về Nguyện Trí. Sau nói Đức Phật không thường nhập định vô tránh.

Trong phần đầu có ba:

1. Nói ba thứ nhân duyên, tu định vô tránh.

2. Giải thích từ ngữ Vô tránh.

3. Nói về xem xét gìn giữ trong khi tu việc Vô tránh.

Đầu tiên, nói “La-hán, căn nhảy bén của “Câu phần giải thoát” trụ Vô tránh”, nghĩa là Tỳ-Đàm chỉ nói căn nhạy bén, bất động, nghĩa là “đắc”. Không nói “câu thoát”. Nay nói “câu thoát”, vì phải được Diệt định, mới tu Vô tránh.

“Đối với chính mình mà khởi” trở xuống, là giải thích danh từ.

“Như thế v.v...” trở xuống, là nói xem xét, gìn giữ khi tu.

Kế là, nói về Nguyện trí, trước phải phát nguyện. Đã nhập định bờ mé, tu rồi mới biết. Nguyện trí của ba thừa đều tùy thông suốt cảnh giới sở tri.

Dưới đây sẽ nói Đức Phật không thường nhập định vô tránh. Nói “Nếu lẽ ra vì khởi tranh luận mà điều phục”: Tức là vì tranh luận, nên không thường nhập.

4. Nói dựa vào định dẫn phát các trí khác nhau. Như định thứ tư làm chỗ nương tựa dẫn phát Vô tránh Nguyên trí. Phải biết rằng, Diệu trí, pháp Bất cộng của đức Như lai cũng thế, nghĩa là theo văn này, chứng tỏ các công đức của Như lai đều dựa vào định thứ tư. Lại, do đây chứng biết bốn vô ngại đều nương chung bốn định, không đồng với luận Tiểu thừa.

5. Nói chỉ dựa vào năm Địa, đầu tiên nhập Thánh, do định cận phần ban đầu về trước vì chưa có định căn bản, nên các Bạc Thánh kia phải nương tựa định vị Chí, để nhập Kiến đạo. Định Vị Chí của Nhị thiên về trước đã có định căn bản đầu tiên, có thể phát vô lậu.

Tiền phương tiện của bảy địa trên không phải Vị Chí, nên không phát vô lậu.

6. Nói về ba đời sai khác của trí Thế gian, Xuất Thế gian. Trước, nêu chung mà khởi, sau đó, chính là giải thích. Trong chính giải thích có hai: Trước, nói thế trí; sau, nói trí xuất thế.

Trong thế trí, trước, nói về Thế trí ba đời của Nhị thừa. Sau, nói Thế trí ba đời của Bồ-tát.

Trong phần trước, trước nói về tể ban đầu khởi lên trí thế tục, nói là vì muốn sinh khởi đối trị thế tục kia, lại khởi thọ thuộc về tín thế gian không có điên đảo, nghĩa là sinh đặc trí. Dùng trí này làm y chỉ, dắt dẫn đến khởi năm pháp quán dừng tâm như Văn, Tư v.v.... Dùng trí này làm nương tựa, kể là “trong được phương tiện thuận quyết trạch, cho đến “thuộc về trí thế tục hữu lậu”, nghĩa là niệm, xứ chung, riêng. Dùng trí này làm y chỉ, tiếp theo là khởi tuệ v.v... quyết định lựa chọn, phương tiện của kiến đạo, nghĩa là ba thiện căn: như Noãn v.v....

“Lại, tức v.v...” trở xuống, tiếp theo, nói về trí thế tục của đời giữa.

Nói “Khi lên kiến đạo cho đến “cũng gọi là tu”, là phân biệt với năm kiến v.v... nhiễm ô.

Nói “Trí thế tục thiện, tức là do sức huân tập không có nhiễm của kiến đạo, giúp cho hạt giống của ba tuệ hữu lậu được tăng trưởng thanh tịnh. Xuất kiến đạo xong, sinh khởi trí này, chứng các pháp giải thoát do kiến dứt trừ, nghĩa là sau khi xuất kiến đạo, sinh khởi trí này rồi nói như vậy: “Tôi đã dứt hẳn phiền não do kiến dứt trừ, đã dứt hết hẳn tất cả đường ác, gọi là chứng các pháp giải thoát do kiến dứt trừ.”

Lại, tùy đối tượng mong muốn, nên có thể vì người khác mà ghi nhận riêng, sẽ vì họ kiến lập v.v.... Lại, do trí thế tục này, vì người khác lập giáo. Lại, do trí này, hay quán át pháp tịnh, phi tịnh, thọ ký cho người khác. Lại có thể đối với các hiện quán của Thánh đế, vì lập giáo cho người khác.

Nói “Lại ở trên đây cho đến “Vì đạo thế gian có thể lìa dục v.v... kia”. Bồ Khuyết rằng: “Đoạn văn này tức nói Bạc Thánh đồng với phàm phu kia, dùng sáu hạnh với Thế trí để hàng phục vô sở hữu xứ lại tu dứt trừ phiền não.”

Pháp sư Thái nói: “Y cứ theo văn này, giống với người chứng sơ quả, cũng có thể do đạo thế tục lìa dục, nhưng có lỗi là người sơ quả sinh lên địa trên và lỗi khởi diệt định, nên chưa thể là định, còn cần phải xét kinh, luận khác. Riêng có kinh Chuyển Pháp Luân nói là sơ quả cũng sinh lên cõi trên.”

Có Luận sư giải thích “văn này giải thích chung trí thế tục có thể hàng phục phiền não, được định, bấy giờ được sơ quả, cho nên nói “Lại ở trên đây, tùy theo sự thích ứng với trí ấy”, không nên nói “Sơ quả hàng phục “hoặc” là được nhập định”. Luận sư Quách nói: “Người chứng quả Dư Lưu hàng phục, dứt trừ tu hoặc, được sơ tĩnh lực, cho đến cũng hàng phục “hoặc” của vô sở hữu, được định Phi tưởng. Đồi giữa, đồi sau, như văn rất dễ hiểu.”

Dưới đây nói về thế trí ba đời của Bồ-tát. Nói “Lại, các Bồ-tát khởi hai thứ hạnh v.v... trong các địa”. Bồ Khuyết nói: “Hậu trí quán căn cơ, lập giáo v.v... gọi là có hạnh khác nhau của tướng Hý luận. Trí vô phân biệt, gọi là lìa tướng hý luận, hiện hành công hạnh.

Nói “Giống với điều thiện của xuất thế gian, vì tu việc thiện này, nên được Hậu sở đắc thuộc trí thế tục v.v..., nghĩa là giải thích có tướng hý luận. Trước kia. Tức Trí hậu đắc, gọi là Trí thế tục. Nếu theo môn này, từ Thập địa, Phật địa đều có trí thế tục, nên ở trên nói rằng: “Mười lực của chư Phật là thuộc về Trí thế tục, vì kèm theo hý luận.”

Lại, giải thích: “Thuận với Trí thế tục có hai:

1. Thế là hữu lậu “duyên” với thế tục.
2. Tánh là thế tục vô lậu, gọi là trí thế tục.

Nay y cứ vào ba đời để nói về trí thế tục. Vì y cứ vào Thế tục hữu lậu kia để nói, không nói đức Như lai Trí hậu đắc, Trí thế tục hữu lậu. Luận sư Tăng Huyền nói: “Trong đây, đến địa rốt ráo, chỉ lấy địa thứ mười.”

Kế là, nói về ba đời xuất thế.

Nói “Nếu kiến đạo của phẩm pháp, thì đối trị với kiến dứt trừ “hoặc” cõi Dục”: Đây là y cứ ở giả mà nói chứ chẳng phải thật sự là đạo dứt trừ, chủ yếu là khi vô tướng tu quán chân như, mới có thể dứt trừ “hoặc”.

Hỏi: “Tất cả loại trí (nhất thiết loại trí) hiện ở trước đều rõ cõi Sắc, Vô Sắc phải không?”

Bồ Khuyết rằng: Ở đây “Hỏi loại trí này cho đến số nhiều, nghĩa là đạo phương tiện, cho đến đạo Thắng Tấn, chẳng biết kiến đạo trở xuống, quán trí không cõi trên, gọi là Loại trí. Cũng có thể phân biệt rõ ràng cõi Sắc, Vô Sắc ư?”

Đáp: “Đã có Loại trí trong tướng Kiến đạo vì đã từng khéo nghe, tư duy, nên có thể phân biệt rõ ràng, Trí khác thì không thể. Cũng có thể kiến đạo trở xuống đã có Loại trí, quán ban đầu không thể, nhưng nếu nghe, tư duy lâu ngày, thì sẽ phân biệt rõ.”

Pháp sư Thái nói: “Nếu đối với cõi Sắc, sẽ được từng tư duy, sẽ khởi tu tuệ, khéo lấy tướng, loại trí quán đế, sau khi biết rõ chung xong, nhận biết riêng. Nếu không như thế, thì chỉ hiểu rõ quán chung, chứ không thể biết riêng.”

Luận sư Tăng Huyền nói: “Ý hỏi chỉ “duyên” chúng sinh hay sẽ “duyên” chúng sinh thế gian và cả khí thế gian?”

“Trong phần đáp có hai nghĩa, rất dễ hiểu.”

Nói “Các trí khác cho đến “thuộc về hai phẩm”: Bồ Khuyết rằng: trí bốn đế cho pháp. Thể này là Tỳ-Bát-Xá-Na, tức định, tuệ, do vắng lặng nên gọi là Xa-ma-tha.”

Luận sư Tăng Huyền nói: “Vì tám nhãn có định, nên gọi là ở phẩm Tỳ-Bát-Xá-Na. Vì tam trí dứt định, nên gọi là ở phẩm Xa-ma-tha, vì các trí thuộc tám trí, tám nhãn này là thuộc về hai phẩm: Pháp, Loại.”

Nói: “Lại, đối với kiến đạo cho đến “thứ lớp hiện ở trước”, nghĩa là hạt giống kiến đạo từ hạt giống của bản hữu chưa gặp được “duyên” thù thắng, nên không thể tăng trưởng. Nay, vô tướng kiến đạo, niệm đầu tiên hiện ở trước, có thể huân phát khắp các hạt giống của kiến đạo, tức khắc được tăng trưởng, gọi là “đắc”. Từ đây về sau, dần dần theo thứ lớp hiện ở trước.”

Nói: “Vì đối với các đế, do có tướng tướng, khéo lấy tướng”, giải thích rõ có hí luận.” Vì như thời gian trước đã thấy, biết và Tu-diệu trí”, là giải thích lìa hí luận.

“Vì hạnh nhàm chán các việc thiện thế gian, khiến cho tâm nhàm chán”, là giải thích lại hí luận.

“Vi thọ lãnh các thứ pháp lạc mẫu nhiệm”: là giải thích lại là hí luận, vận hành trí xuất thế.

Thứ bảy, là nói về sự khác nhau của chứng đắc thần thông:

Nói: “Như Vua Mạn-Đà-Đa v.v...”. Mạn, Trung văn dịch là ngã; Đà Đa, Hán dịch dịch là “Dục” (nuôi nấng), hoặc nói là “trì” (gìn giữ); hoặc nói là “dưỡng”, là Đảnh Sinh Vương. Người cha vốn sinh trên bấp vế, trên đỉnh đầu của người cha có một bấu thịt. Thời gian sau ở mộng, bấu thịt vỡ ra có một đồng tử khôi ngô phi thường. Phụ Hoàng bổng Thái tử vào cung. Vua có một trăm phu nhân. Nhà vua phán rằng: “Trong các khanh, ai là người có thể gìn giữ, nuôi nấng con của trẫm?” Tất cả đều quì xuống tâu: Thần thiếp có thể gìn giữ, nuôi nấng”. Nhà vua bèn giao Thái tử cho Đệ nhất phu nhân nuôi nấng. Cho nên có danh hiệu này.

Tứ này dịch là Đảnh Sinh, nghĩa là từ sinh, lập danh hiệu, chẳng phải vốn chính danh.

“Như tạo ra sự huyền hoặc, áp đảo làm cho thầy chết ngồi dậy”. Tam Tạng Pháp sư nói rằng: “Ở phương Tây có người dùng năng lực của chú, hoặc dùng năng lực ảo thuật để sai khiến thầy chết đi đến địa phương khác, nói năng, hỏi, đáp, đoạn quay trở về bản xứ, gọi là tử thi đứng dậy. Nếu chỉ khiến thầy chết đứng, ngồi, hỏi, đáp với người, không thể đi qua địa phương khác thì gọi là Bán khởi thi.”

Pháp sư Thái nói: “Lại, giải thích: “Chỉ có thể le lưỡi, gọi là “bán thầy chết”, như theo truyền thuyết, phép chú thuật của phương Tây, nếu chú nguyện thầy chết thè lưỡi ra, kẻ được lưỡi ấy, sẽ được hai thanh kiếm. Người có được lưỡi gươm này, thân họ sẽ bay lên hư không, sẽ được đến chỗ của các vị tiên. Thầy chết ấy sẽ thực hiện trọn vẹn mọi động tác nói trên.”

Nay, lại dẫn luật Tân căn bản Tát Bà Da để giải thích. (Như quyển thứ năm mươi chín ở trước có chép.

Thứ hai, trong phần nói về pháp sở thức. Đầu tiên là chia ra năm môn. Kế là, dựa vào môn giải thích.

Trong giải thích môn thứ năm gồm có:

1. Nói về đối trị chướng.
2. Nói về tướng khác nhau của tâm.
3. Tổng kết.

Trong giải thích về sự khác nhau của sanh:

Nói “Nếu trước đây chưa khởi tính lự, Vô Sắc, khi sinh cõi Dục, thì phải từ Vô gián cõi Dục, tâm thiện của Sơ định được sinh: theo luận

Tiểu thừa nói, chỉ từ cõi Dục xả, đều có tư tuệ sinh tâm cõi Sắc. Nay, trong Đại thừa, chưa thấy thành văn. Nói theo nghĩa) thì hỷ, xả đều có tâm, đều được sinh tâm định. Cũng có thể y cứ từ xả tâm, đều có sinh ra tâm định, vì hỷ thô, động, trở ngại cho định. Theo văn của Bản Địa. Phần, thì cách giải thích sau là hơn.

Lại, tâm thiện cõi Dục là Vô gián sinh tâm của định vị chí. Về sau, nhập định căn bản để đồng một hệ thuộc, nên nói: “tâm của Sơ định”.

Nói “Lại, từ tâm vô ký không gián đoạn của cõi Dục, tâm thiện cõi Sắc sinh cho đến” chẳng phải tự tánh, nghĩa là vì tâm biến hóa này là quả của thiền, nên đồng địa với thiền, chẳng phải hệ thuộc cõi Dục. Nay, nói thân cõi Dục “duyên” cõi Dục, biến hóa ra thức của ảnh tượng bốn trần, gọi là cõi Dục. Vì sao? (Vì như tâm biến hóa cõi Sắc khi tạo nên sự biến hóa cõi Dục, “duyên” trần của cõi Dục biến hóa không khác nhau, chỉ “duyên” bốn trần, tướng phần của tự tâm, là ảnh tượng của bốn trần cõi Dục, vì giống với bốn trần của cõi Dục, nên gọi là “duyên” cõi Dục, chính là nói tâm biến hóa từ sở “duyên” kia, gọi là hệ thuộc cõi Dục chẳng phải tự tánh, không đồng với luận Tiểu thừa cho rằng, tâm biến hóa của cõi Dục bốn thiền tức là thuộc về cõi Dục”.

Nói “Lại, ở cõi Dục mất, khi sinh lên địa trên, tâm thiện, tâm vô ký Vô gián của cõi Dục, sinh tâm nhiễm ô v.v... của địa trên” nghĩa là ở cõi Dục mất, sắp sinh lên địa trên. Khi sắp qua đời, tâm thiện, tâm vô ký Vô gián cõi Dục, tùy theo nơi sinh. Tâm nhiễm ô của địa trên, khi sắp qua đời, khởi nhuận sinh địa trên. Từ tâm nhiễm ô của địa trên mất, trở lại khởi tâm vô ký của báo cõi Dục, qua đời. Người kia đã khởi tâm của địa trên, quyết định việc làm của địa mình, mới sinh khởi, không đồng với luận Tiểu thừa cho tâm ba tánh lúc mạng chung”.

Nói “Lại, lúc từ địa trên mất, sinh xuống địa dưới, từ tất cả tâm Vô gián thiện, nhiễm, vô ký của địa trên, chỉ có tâm nhiễm của địa dưới sinh v.v... nghĩa là nếu theo môn lý tùy chuyển thì khi từ địa trên mất, sinh xuống địa dưới, thân ở địa trên không khởi tâm ô nhiễm của địa dưới.

Nay, vì dựa vào môn lý chân thật, nên thân ở địa trên khi sắp qua đời, khởi tâm nhiễm ô của địa dưới, nhuận sinh. Tâm nhiễm ô của người đó sẽ quyết định cảnh do mình sinh ra có khác nhau.

